TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2025/DS-ST
Ngày 30 – 9 – 2025
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Minh Út
2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Châu Sơn Ca – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt K, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp Láng C, xã Phú T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp Tân Quảng A, xã Cái Đôi V, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Việt K (nguyên đơn) trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng, nên anh có cho chị Trần Thị B mượn tiền hai lần, cụ thể:

Ngày 26/02/2019 dương lịch (dl), chị B mượn của anh số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Đến ngày 03/5/2019 (dl), chị B tiếp tục mượn của anh số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Cả hai lần mượn tiền, anh không tính lãi và giữa các bên có thỏa thuận 05 ngày kể từ ngày nhận tiền chị B sẽ trả lại số tiền trên, việc mượn tiền chị B có viết biên nhận. Tuy nhiên, đến thời hạn thỏa thuận chị B vẫn không trả nợ mà hứa hẹn nhiều lần nên anh K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị B trả cho anh tổng số tiền nợ là 150.000.000 đồng (một trăm năm chục triệu đồng), không yêu cầu tính lãi và xin vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử vụ án do anh bận nhiều công việc. Ngoài ra, anh K không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với chị Trần Thị B (bị đơn), Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng chị B không đến Toà, không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Riêng nguyên đơn đã có lời khai và nộp đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc làm thuê nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền, không lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền vốn vay, lãi suất thỏa thuận khi vay cũng như số tiền đã trả (nếu có) nhưng căn cứ vào các biên nhận ngày 26/02/2019 (dl), 03/5/2019 (dl) do bị đơn viết, ký tên cùng với lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) đến nay chưa trả là sự thật nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Đối với việc tính lãi, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi - Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Với nhận định tại các đoạn [2], [3] và [4] nêu trên, cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Việt K.

Buộc chị Trần Thị B trả cho anh Nguyễn Việt K số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Việt K có đơn yêu cầu thi hành án, chị Trần Thị B không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị B phải chịu số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Anh Nguyễn Việt K không phải chịu. Ngày 03/9/2025, anh K đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011695 được trả lại toàn bộ cho anh K.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân